

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
HÀNG KHÔNG CAM RANH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hoài Chang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/10/2015
Ông Hồ Minh Tiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07/08/2015
Ông Phan Lê Hoan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/08/2015
		Miễn nhiệm ngày 15/10/2015
Ông Trương Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/10/2015
Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/10/2015
Ông Lê Văn Lân	Thành viên	
Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên	
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/08/2015
Bà Phan Cẩm Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/10/2015

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Anh Thư	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lân	Giám đốc	
Ông Trương Minh Hoàng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2015
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đỗ Hữu Ánh Liên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Vũ Hoai Chang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nha Trang, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Số: 03 /2016/UHYACAHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.704.400.579	40.207.094.778
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.108.770.705	18.802.571.618
Tiền	111		4.917.900.108	2.302.571.618
Các khoản tương đương tiền	112		31.190.870.597	16.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.144.808.794	1.427.459.479
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.975.558.779	1.173.709.829
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	149.250.015	253.749.650
Hàng tồn kho	140	8	17.898.512.496	19.190.095.651
Hàng tồn kho	141		17.898.512.496	19.190.095.651
Tài sản ngắn hạn khác	150		552.308.584	786.968.030
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	224.789.514	622.398.054
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	327.519.070	164.569.976
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.690.555.286	12.278.755.239
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		5.596.555.887	12.024.114.530
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.542.655.887	11.911.414.530
- Nguyên giá	222		9.379.189.201	33.783.291.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.836.533.314)	(21.871.876.968)
Tài sản cố định vô hình	227	11	53.900.000	112.700.000
- Nguyên giá	228		176.400.000	176.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(122.500.000)	(63.700.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		93.999.399	254.640.709
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	93.999.399	254.640.709
TỔNG TÀI SẢN	270		64.394.955.865	52.485.850.017

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		37.828.482.415	34.962.130.177
Nợ ngắn hạn	310		37.724.482.415	34.274.130.177
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	30.040.956.281	24.130.061.149
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.081.840	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.075.315.937	1.928.925.050
Phải trả người lao động	314		3.513.992.129	5.084.391.928
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	273.419.726	43.182.858
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	725.899.800	2.183.342.816
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.087.816.702	904.226.376
Nợ dài hạn	330		104.000.000	688.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16	104.000.000	688.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.566.473.450	17.523.719.840
Vốn chủ sở hữu	410	17	26.566.473.450	17.523.719.840
Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		95.000.000	95.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.278.710.697	2.423.809.454
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.775.868.642	4.588.016.275
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.288.031	422.904.278
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.712.580.611	4.165.111.997
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		64.394.955.865	52.485.850.017

Nha Trang, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT

AE

AE

LVL



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lân

Vũ Hoàn Chang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	133.174.994.713	133.656.654.051
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.174.994.713	133.656.654.051
Giá vốn hàng bán	11	19	100.474.081.944	103.610.887.285
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		32.700.912.769	30.045.766.766
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	785.683.394	592.360.506
Chi phí tài chính	22	21	887.530.458	239.729.656
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	11.075.680.584	11.642.876.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.059.792.382	8.862.667.319
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.463.592.739	9.892.853.917
Thu nhập khác	31	22	5.373.096.751	2.274.989.444
Chi phí khác	32	23	-	945.884.038
Lợi nhuận khác	40		5.373.096.751	1.329.105.406
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.836.689.490	11.221.959.323
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.124.108.879	2.468.831.051
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.712.580.611	8.753.128.272
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	12.556	7.632
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	12.556	7.632

Nha Trang, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT

HL

HL

HL



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lâm

Vũ Hoàn Chang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	144.286.422.456	136.068.798.745
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(87.059.149.132)	(95.058.006.132)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.573.940.528)	(23.702.034.831)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.784.739.439)	(756.562.490)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	290.038.717	4.632.270.461
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.044.119.684)	(10.101.893.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.114.512.390	11.082.572.205
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.109.800.000)	(3.173.760.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	648.918.019	587.295.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(460.881.981)	(2.586.464.986)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.438.135.690)	(1.956.392.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.438.135.690)	(1.956.392.385)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	17.215.494.719	6.539.714.834
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.802.571.618	12.262.856.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	90.704.368	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36.108.770.705	18.802.571.618

Nha Trang, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT

AE

AE

lvt



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lâm

Vũ Hoàng Chang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/11/2015.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Nha Trang, số 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 10.000.000.000 đồng

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ và Thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt và taxi. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh ăn uống giải khát;
- Bán hàng lưu niệm; quảng cáo
- Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ làm thủ tục đăng ký chuyển bay cho hành khách, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh tour du lịch nội địa và quốc tế, đại lý lữ hành;
- Gia công cơ khí;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa miễn thuế

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động cung cấp dịch vụ taxi, xe bus, vệ sinh và buôn bán hàng hóa, đồ ăn, thức uống tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ taxi, xe bus, buôn bán hàng hóa, dịch vụ ăn uống tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Trên thị trường có khá nhiều doanh nghiệp cũng hoạt động trong những lĩnh vực này nên việc cạnh tranh cũng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 03 năm 2015, Hội đồng cổ đông đã biểu quyết và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 là sẽ thu hẹp hoạt động kinh doanh taxi và tập trung phát triển kinh doanh xe buýt.

Trong năm 2015, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) đã tiến hành thoái toàn bộ 51% vốn tại Công ty cho ông Vũ Hoài Chang và ông Trương Minh Hoàng theo kết quả bán đấu giá cổ phần ngày 16/7/2015 (xem thêm tại thuyết minh số 17.2).

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Theo Quyết định số 132/QĐ-HĐQT/CRACS ngày 30 tháng 11 năm 2015, Công ty thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Airport Taxi Cam Ranh với vốn điều lệ là 9 tỷ đồng, góp vốn bằng toàn bộ 60 xe taxi. Ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Airport Taxi Cam Ranh cho Công ty Cổ phần Sun Taxi theo hợp đồng chuyển nhượng vốn số 0112/2015/HĐCNV.

Bên cạnh đó, theo quyết định số 205/QĐ-HĐQT/CRACS ngày 24 tháng 12 năm 2015, Công ty thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Hàng không. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn chưa tiến hành góp vốn vào công ty con và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Hàng không chưa đi vào hoạt động.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được áp dụng theo chế độ kế toán mới quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc thiết bị	03
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí sửa chữa căn tin, nhà kho, phòng kế toán... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí tiền điện, internet tháng 12 và chi quản lý điều hành Autogrill.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.7 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.9 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Dịch vụ taxi, Dịch vụ xe bus, Dịch vụ nhà hàng, Dịch vụ phòng VIP, phòng C, Dịch vụ vệ sinh, Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ, Bán hàng miễn thuế, Liên doanh Autogrill, Bán hàng xuất khẩu. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Yasaka Sài Gòn - Nha Trang, Công ty con, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	44.420.700	70.937.961
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.873.479.408	2.231.633.657
Các khoản tương đương tiền (*)	31.190.870.597	16.500.000.000
Cộng	36.108.770.705	18.802.571.618

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.975.558.779	1.173.709.829
- Công ty Cổ phần Sun Taxi	2.500.000.000	-
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	806.732.250	603.521.000
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Vietnam Airlines khu vực miền Trung	547.863.000	468.820.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	120.963.529	101.368.829
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	1.072.341.000
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	468.820.000
- Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	603.521.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	149.250.015	-	253.749.650	-
- Phải thu ngắn hạn khác	142.956.875	-	218.400.300	-
+ Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	136.765.375	-	-	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	6.191.500	-	218.400.300	-
- Bảo hiểm xã hội	6.293.140	-	35.349.350	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	149.250.015	-	253.749.650	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	99.090.781	-	110.898.423	-
Công cụ, dụng cụ	55.801.345	-	39.699.962	-
Hàng hóa	17.743.620.370	-	19.039.497.266	-
Cộng	17.898.512.496	-	19.190.095.651	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
	164.569.976	246.679.161	409.628.255	327.519.070
	164.569.976	246.679.161	409.628.255	327.519.070

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế Thu nhập cá nhân

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	1.612.135.049	614.868.515	31.359.747.024	196.540.910	33.783.291.498
- Mua trong năm	-	-	1.018.163.636	-	1.018.163.636
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	556.432.000	-	-	-	556.432.000
- Góp vốn bằng tài sản	-	-	(25.978.697.933)	-	(25.978.697.933)
31/12/2015	2.168.567.049	614.868.515	6.399.212.727	196.540.910	9.379.189.201

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2015	520.333.524	496.267.020	20.675.528.442	179.747.982	21.871.876.968
- Khấu hao trong năm	116.657.326	74.451.828	4.091.816.255	14.393.940	4.297.319.349
- Góp vốn bằng tài sản	-	-	(22.332.663.003)	-	(22.332.663.003)
31/12/2015	636.990.850	570.718.848	2.434.681.694	194.141.922	3.836.533.314

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2015	1.091.801.525	118.601.495	10.684.218.582	16.792.928	11.911.414.530
31/12/2015	1.531.576.199	44.149.667	3.964.531.033	2.398.988	5.542.655.887

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 5.293.984.428 đồng.

11. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	224.789.514	622.398.054
- Chi phí mua bảo hiểm	36.702.195	139.291.161
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	188.087.319	483.106.893
Dài hạn	93.999.399	254.640.709
- Chi phí sửa chữa căng tin, nhà kho	84.880.309	254.640.709
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.119.090	-
Cộng	318.788.913	877.038.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	30.040.956.281	30.040.956.281	24.130.061.149	24.130.061.149
- IPP GROUP (S) PTE.LTD	26.064.685.219	26.064.685.219	21.454.672.860	21.454.672.860
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	1.303.929.683	1.303.929.683	721.417.971	721.417.971
- Nguyễn Tấn Quang	465.557.883	465.557.883	359.890.336	359.890.336
- Phải trả khách hàng khác	2.206.783.496	2.206.783.496	1.594.079.982	1.594.079.982
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	721.417.971	761.217.971
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	-	721.417.971	721.417.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	251.399.689	5.720.226.555	5.920.891.963	50.734.281
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.677.525.361	4.131.795.734	3.784.739.439	2.024.581.656
Cộng	1.928.925.050	9.852.022.289	9.705.631.402	2.075.315.937

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
- Trích trước chi phí điện thoại, internet	273.419.726	273.419.726	43.182.858	43.182.858
- Trích trước chi phí quản lý điều hành	48.398.027	48.398.027	43.182.858	43.182.858
Dài hạn				
-	-	-	-	-
Cộng	273.419.726	273.419.726	43.182.858	43.182.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	725.899.800	725.899.800	2.183.342.816	2.183.342.816
- Kinh phí công đoàn	87.196.297	87.196.297	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	12.000.000	13.800.000	13.800.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	626.703.503	626.703.503	2.169.542.816	2.169.542.816
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	77.148.550	77.148.550	1.915.663.912	1.915.663.912
+ <i>Phải trả khác</i>	549.554.953	549.554.953	253.878.904	253.878.904
Dài hạn	104.000.000	104.000.000	688.000.000	688.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	104.000.000	104.000.000	688.000.000	688.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	829.899.800	829.899.800	2.871.342.816	2.871.342.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư		Thặng dư vốn		Vốn khác của		Quỹ đầu tư		Lợi nhuận sau thuế		Tổng cộng
	VND	VND	cổ phần	chủ sở hữu	VND	VND	phát triển	chưa phân phối	VND	VND	
01/01/2014	10.000.000.000	95.000.000	0	416.894.111	1.159.246.475	7.271.258.119	18.942.398.705				
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	8.753.128.272	8.753.128.272				8.753.128.272
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.264.562.979	(1.264.562.979)					
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.369.943.225)	(1.369.943.225)				(1.369.943.225)
- Trích lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	(6.812.863.912)	(6.812.863.912)				(6.812.863.912)
- Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(1.989.000.000)	(1.989.000.000)				(1.989.000.000)
31/12/2014	10.000.000.000	95.000.000	0	416.894.111	2.423.809.454	4.588.016.275	17.523.719.840				
01/01/2015	10.000.000.000	95.000.000	0	416.894.111	2.423.809.454	4.588.016.275	17.523.719.840				
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	14.712.580.611	14.712.580.611				14.712.580.611
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	359.861.546	(359.861.546)					
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(504.960.303)	(587.142.523)	(1.092.102.826)				(1.092.102.826)
- Thương ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)				(800.000.000)
- Chia cổ tức năm 2014 (*)	-	-	-	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)				(3.400.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015 (**)	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)				(1.000.000.000)
- Chuyển cổ tức phải trả cổ đông sang LN chưa phân phối	-	-	-	-	-	640.663.912	640.663.912				640.663.912
- Giám khác	-	-	-	-	-	(18.388.087)	(18.388.087)				(18.388.087)
31/12/2015	10.000.000.000	95.000.000	0	416.894.111	2.278.710.697	13.775.868.642	26.566.473.450				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty quyết định phân phối lợi nhuận năm 2014 (sau khi giảm trừ phần thưởng ban điều hành, thù lao HĐQT) tăng các quỹ Đầu tư phát triển 9,5%, Quỹ khen thưởng 6,5%, Quỹ phúc lợi 9% và chia cổ tức 75%.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2015 theo Quyết định số 116/QĐ-HĐQT/TMHKCR ngày 29 tháng 10 năm 2015 với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần.

17.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	-	-	51,00	5.100.000.000
Công ty CP Yasaka Sài Gòn-Nha Trang	10,00	1.000.000.000	10,00	1.000.000.000
Ông Vũ Hoài Chang	57,50	5.750.000.000	-	-
Ông Trương Minh Hoàng	1,45	144.710.000	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	31,05	3.105.290.000	39,00	3.900.000.000
Cộng	100	10.000.000.000	100	10.000.000.000

17.3 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.278.710.697	2.423.809.454

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	133.174.994.713	133.656.654.051
- Doanh thu dịch vụ taxi	11.713.403.178	18.872.566.546
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng	14.701.342.918	17.951.047.261
- Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	21.473.872.720	23.415.426.533
- Doanh thu dịch vụ phòng VIP,C	7.071.570.219	5.504.387.269
- Doanh thu dịch vụ xe bus	3.984.133.183	3.544.803.635
- Doanh thu hàng miễn Thuế	68.017.534.837	62.682.968.267
- Doanh thu dịch vụ vệ sinh	1.886.818.178	1.685.454.540
- Liên doanh bán hàng với Autogrill	3.785.194.543	-
- Doanh thu bán hàng xuất khẩu	541.124.937	-
	133.174.994.713	133.656.654.051
Doanh thu với các bên liên quan	-	5.311.883.636
- Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	5.249.960.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	61.923.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	11.857.561.331	20.656.734.163
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	12.906.472.955	14.572.306.571
Giá vốn bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	11.652.535.362	12.720.318.914
Giá vốn dịch vụ phòng VIP, C	3.890.072.938	3.410.625.435
Giá vốn dịch vụ xe bus	3.743.047.128	3.688.528.082
Giá vốn hàng miễn Thuế	50.893.874.270	46.945.565.056
Giá vốn dịch vụ vệ sinh	1.970.129.150	1.616.809.064
Giá vốn bán hàng với Autogrill	3.455.356.810	-
Giá vốn xuất khẩu	105.032.000	-
Cộng	100.474.081.944	103.610.887.285

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	785.536.334	558.703.219
Hoa hồng đại lý thu đổi ngoại tệ	-	3.354.272
Lãi chênh lệch tỷ giá	147.060	-
Lãi do đánh giá lại CLTG cuối năm	-	30.303.015
Cộng	785.683.394	592.360.506

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lỗ do đánh giá lại CLTG cuối năm	887.530.458	239.729.656
Cộng	887.530.458	239.729.656

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.190.909.092
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	13.300.000
Tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	3.110.000	900.000
Thu nhập từ việc góp vốn bằng tài sản	5.353.965.070	-
Các khoản khác	16.021.681	69.880.352
Cộng	5.373.096.751	2.274.989.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	935.884.038
Phạt vi phạm hợp đồng	-	10.000.000
Cộng	-	945.884.038

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.059.792.382	8.862.667.319
- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	5.811.495.007	7.368.385.407
- Chi phí đồ dùng văn phòng	175.313.669	152.800.382
- Chi phí khấu hao TSCĐ	25.834.407	21.386.784
- Thuế, phí và lệ phí	696.662.759	445.670.201
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.584.768	133.532.793
- Chi phí bằng tiền khác	1.214.901.772	740.891.752
Các khoản chi phí bán hàng	11.075.680.584	11.642.876.380
- Chi phí nhân viên	6.174.862.419	6.511.489.263
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	265.031.811	301.721.830
- Chi phí khấu hao TSCĐ	58.800.000	72.425.760
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.292.705.354	4.455.295.527
- Chi phí bằng tiền khác	284.281.000	301.944.000
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	74.800.440.596	76.463.659.126
Chi phí nhân công	24.456.369.705	28.128.919.570
Khấu hao tài sản cố định	4.356.119.349	7.999.929.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.087.588.007	9.841.448.163
Chi phí bằng tiền khác	1.499.182.772	1.042.835.752
Cộng	116.199.700.429	123.476.791.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.836.689.490	11.221.959.323
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(90.740.042)	-
-Lãi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu	(90.740.042)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	18.745.949.448	11.221.959.323
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.124.108.879	2.468.831.051
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.124.108.879	2.468.831.051

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	14.712.580.611	8.753.128.272
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.156.449.995)	(1.121.431.082)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	12.556	7.632

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 đang tạm tính theo tỷ lệ 15,5% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi khoản thưởng ban điều hành Công ty.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được tính toán lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	14.712.580.611	8.753.128.272
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.156.449.995)	(1.121.431.082)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	1.000.000	1.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	12.556	7.632

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 đang tạm tính theo tỷ lệ 15,5% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi khoản thưởng ban điều hành Công ty.

(**) Lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được tính toán lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.108.770.705	18.802.571.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.981.851.919	1.209.059.179
Cộng	<u>40.090.622.624</u>	<u>20.011.630.797</u>
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	30.156.956.281	24.831.861.149
Chi phí phải trả	273.419.726	43.182.858
Cộng	<u>30.430.376.007</u>	<u>24.875.044.007</u>

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	30.052.956.281	104.000.000	-	30.156.956.281
Chi phí phải trả	273.419.726	-	-	273.419.726
Cộng	30.326.376.007	104.000.000	-	30.430.376.007
01/01/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	24.143.861.149	688.000.000	-	24.831.861.149
Chi phí phải trả	43.182.858	-	-	43.182.858
Cộng	24.187.044.007	688.000.000	-	24.875.044.007

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.108.770.705	-	-	36.108.770.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.981.851.919	-	-	3.981.851.919
Cộng	40.090.622.624	-	-	40.090.622.624
01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.802.571.618	-	-	18.802.571.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.209.059.179	-	-	1.209.059.179
Cộng	20.011.630.797	-	-	20.011.630.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2015	Dịch vụ taxi	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP, C	Dịch vụ xe bus	Doanh thu hàng Miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Liên doanh với Autogrill	Doanh thu bán hàng xuất khẩu	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.713.403.178	14.701.342.918	21.473.872.720	7.071.570.219	3.984.133.183	68.017.534.837	1.886.818.178	3.785.194.543	541.124.937	133.174.994.713
Gảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.713.403.178	14.701.342.918	21.473.872.720	7.071.570.219	3.984.133.183	68.017.534.837	1.886.818.178	3.785.194.543	541.124.937	133.656.654.051
Giá vốn bộ phận	(11.857.561.331)	(12.906.472.955)	(11.652.535.362)	(3.890.072.938)	(3.743.047.128)	(50.893.874.270)	(1.970.129.150)	(3.455.356.810)	(105.032.000)	(100.474.081.944)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(144.158.153)	1.794.869.963	9.821.337.358	3.181.497.281	241.086.055	17.123.660.567	(83.310.972)	329.837.733	436.092.937	32.700.912.769
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.135.472.966)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.565.439.803
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	785.683.394
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(887.530.458)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.373.096.751
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.124.108.879)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.712.580.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Năm 2014	Dịch vụ taxi	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP, C	Dịch vụ xe bus	Doanh thu hàng Miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.872.566.546	17.951.047.261	23.415.426.533	5.504.387.269	3.544.803.635	62.682.968.267	1.685.454.540	133.656.654.051
Giảm trừ doanh thu								
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.872.566.546	17.951.047.261	23.415.426.533	5.504.387.269	3.544.803.635	62.682.968.267	1.685.454.540	133.656.654.051
Giá vốn bộ phận	20.656.734.163	14.572.306.571	12.720.318.914	3.410.625.435	3.688.528.082	46.945.565.056	1.616.809.064	103.610.887.285
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.784.167.617)	3.378.740.690	10.695.107.619	2.093.761.834	(143.724.447)	15.737.403.211	68.645.476	30.045.766.766
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	(20.505.543.699)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	9.540.223.067
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	592.360.506
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(239.729.656)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	2.274.989.444
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(945.884.038)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	(2.468.831.051)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	8.753.128.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

31.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

31.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của ban HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	973.410.400	937.380.900
Thù lao của HĐQT, BKS	55.200.000	54.960.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	918.210.400	882.420.900

31.5 THÔNG TIN KHÁC

Theo chủ trương tăng vốn điều lệ nhằm phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Nghị quyết số 352/NQ-ĐHĐCD/CRACS ngày 13/11/2015 của Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua các tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược để tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 359/NQ-HĐQT/CRACS ngày 17/11/2015 cũng đã thông qua chủ trương rút khỏi danh sách Công ty đại chúng do số lượng cổ đông tính đến thời điểm 10/11/2015 còn lại dưới 100 cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay (như được nêu tại Thuyết minh số 27 và 28 của Báo cáo tài chính).

Nha Trang, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Lê Văn Lân

Vũ Hoài Chang

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực **00741** Quyển số..... SCT/BS

Ngày **20-01-2017**



Lê Minh Thủy